

Bản án số: 127/2023/DS-PT

Ngày: 22 – 8 – 2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Lộc**

Các Thẩm phán:

Bà **Đặng Thị Ánh Bình**

Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Yến** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 120/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2023/QĐ-PT ngày 19/7/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh V.

2/ Bị đơn: Chị **Lê Thị Mỹ H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp P1, xã Đ, huyện L, tỉnh V.

3/ Người làm chứng:

3.1. Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh 1976 (vắng mặt)

3.2. Anh **Nguyễn Vinh H1**, (tên thường gọi là Thanh) (vắng mặt)

3.3. Chị **Trần Thị Tuyết N**, sinh 1983 (vợ của anh Hạnh) (vắng mặt)

3.4. Chị **Cao Hồng H2**, sinh 2006 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh V.

3.5. Anh **Lê Thuận Thành E**, sinh 1999 (vắng mặt)

3.6. Anh **Hùynh Ngọc D** (tên thường gọi là Lít)

Địa chỉ: ấp P1, xã xã Đ, huyện L, tỉnh V.

Người kháng cáo: Bà **Lê Thị Mỹ H - là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Ngày 01/8/ 2021 chị T có cho chị H mượn số tiền 85 triệu đồng, chị H tự tay viết giấy mượn tiền cho chị T, nhưng do ghi nhầm là ngày 01/8/2001 chứ đúng là ngày 01/8/2021. Thời hạn mượn là 1 tháng tức ngày 01/9/2021 phải trả cho chị T, nhưng đến nay đã quá thời hạn mà chị H chưa trả tiền.

Tiếp theo, vào ngày 07/10/2020 chị H có vay của chị T số tiền 69.000.000 đồng, chị H có viết biên nhận và cam kết đến ngày 07/11/2020 sẽ trả lại cho chị T, nhưng vẫn chưa trả.

Đến ngày 10/02/2021 chị H tiếp tục vay của chị T số tiền 75.000.000 đồng. Chị H có viết biên nhận và chị H cam kết đến ngày 15/5/2021 sẽ trả lại số tiền trên, nhưng đến nay chưa trả.

Nay, nguyên đơn yêu cầu chị H phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 229.000.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Chị H xác định chị có mượn tiền của chị T là đúng, thời gian bắt đầu mượn tiền khoảng năm 2019 lúc đầu mượn tiền 3 lần, tổng cộng 10.500.000 đồng (lần 1 bà có viết 1 biên nhận 4 triệu đồng do T giữ, lần 2 mượn 4 triệu đồng không làm giấy, lần 3 là 2,5 triệu đồng không làm giấy), lãi suất là 1 triệu đồng/ một ngày /10.000 đồng, không đóng lãi tháng này sẽ bị nhập lãi vào tiền vốn tháng sau. Sau nhiều tháng chị không có tiền đóng tiền lãi nên đến ngày 01/8/2021 chị T bắt bà viết biên nhận nợ là 85 triệu đồng, chị H không có viết biên nhận nợ là 85 triệu đồng, sự thật chị H chỉ nợ chị T 10.500.000 đồng vốn gốc, biên nhận nợ ghi ngày 01/8/2001 là không phải do bà viết ký tên. Chị xác định chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 10.500.000 đồng, không đồng ý trả 85 triệu đồng cho chị T vì có tiền lãi trong đó. Sự việc vay mượn tiền giữa bà với T thì ngoài lời trình bày của chị ra bà không có tài liệu chứng cứ gì khác.

Hai biên nhận ngày 07/11/2020 và ngày 10/02/2021 tôi không có viết và ký tên, tôi chỉ còn thiếu chị T số tiền là 10.500.000đồng. Ngoài ra tôi không có thiếu chị T số tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký trên ba biên nhận trên.

Tại kết luận giám định số: 870/KL-KTHS, ngày 30/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Vĩnh Long kết luận:

Kết luận về đối tượng giám định:

Chữ ký, chữ viết cần giám định trên 03 (ba) giấy biên nhận ngày 01/8/2001, ngày 07/11/2020 và ngày 10/02/2021 (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết mẫu so sánh trên: Biên bản giao nhận chứng cứ, bản cung cấp mẫu chữ ký cùng đề ngày 21/10/2022 (ký hiệu M1,M2); chữ ký ở góc bên trái dưới cụm từ “ Ninh trật tự tại địa phương” và nội dung chữ viết “ Lê thị Mỹ H” “ Tôi có đồng ý viết giấy nợ số tiền 85 triệu nhưng đó là tiền lời tiền gốc 10 triệu 500” trên “ Biên Bản Trao Đổi Sự Việc” đề ngày 03/12/2021 (ký hiệu M3), là do cùng một người ký và viết ra.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2022 người làm chứng anh Lê Thuận Thành E trình bày: Anh là người chạy xe honda khách, vào khoảng thời gian cuối năm 2020 đến đầu năm 2021 anh có nhận tiền của bị đơn nhiều lần với tổng số tiền là 3.000.000đồng về giao cho chị T nhưng không biết tiền gì và anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2022 người làm chứng anh Nguyễn Thanh S trình bày: Trước đây không nhớ ngày tháng năm nào anh là người chạy xe honda khách, anh có nhận tiền của bị đơn nhiều lần mỗi lần từ 200.000đ – 300.000đ về giao cho chị T nhưng không biết tiền gì và anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2023 người làm chứng chị Trần Thị Tuyết N trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Vinh H1, chị có nghe anh H1 nói lại với chị là anh H1 không có nhận tiền gì của chị Lê Thị Mỹ H và xin vắng mặt phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 của chị Cao Hồng H2 như sau: Chị không có nhận tiền gì của bà Lê Thị Mỹ H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã xử;

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 144,147, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T buộc bị đơn bà Lê Thị Mỹ H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T số tiền 229.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án, về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí giám định và về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2023 chị Lê Thị Mỹ H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Chị Lê Thị Mỹ H đồng ý trả chị Nguyễn Thị Diễm T số tiền 10.500.000đ, không đồng ý trả chị Nguyễn Thị Diễm T số tiền 229.000.000đ. Chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của 03 biên nhận do chị T cung cấp.

Chị Nguyễn Thị Diễm T không đồng ý với kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ H. Chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc chị Lê Thị Mỹ H trả chị số tiền 229.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T và chị H xác định biên nhận mượn tiền ngày 01/8/2001 ngày đúng là ngày 01/8/2021.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ H là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 08/5/2023. Ngày 22/5/2023 chị Lê Thị Mỹ H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của chị Hạnh còn trong hạn luật định. Chị Lê Thị Mỹ H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, đúng quy định, nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Lê Thị Mỹ H thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Chị Lê Thị Mỹ H yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Chị Lê Thị Mỹ H đồng ý trả chị Nguyễn Thị Diễm T số tiền 10.500.000đ, không đồng ý trả chị Nguyễn Thị Diễm T số tiền 229.000.000đ. Chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của 03 biên nhận do chị Thúy cung cấp. Xét việc thay đổi kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ H không vượt quá kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ H, Hội đồng xét xử nhận thấy; Theo chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày là vào ngày 01/8/2021 chị T có cho chị Lê Thị Mỹ H mượn số tiền 85.000.000đ. Thời hạn mượn là 01 tháng tức ngày 01/9/2021 phải trả cho chị T, nhưng đến nay đã quá thời hạn mà chị H chưa trả tiền. Tiếp theo, vào ngày 07/10/2020 chị H có vay của chị T số tiền 69.000.000đ, chị H có viết biên nhận và cam kết đến ngày 07/11/2020 sẽ trả lại cho chị T, nhưng vẫn chưa trả. Đến ngày 10/02/2021 chị H tiếp tục vay của chị T số tiền 75.000.000đ. Chị H có viết biên nhận và chị H cam kết đến ngày 15/5/2021 sẽ trả lại số tiền trên, nhưng đến nay chưa trả. Do đó chị T khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền 229.000.000đ.

Phía chị H trình bày chị chỉ có vay của chị T số tiền gốc 10.500.000đ lãi suất cứ 1.000.000đ /1 ngày lãi 10.000đ. Nếu không trả lãi thì còn lại và tính lãi tiếp tục. Sau đó chị không khả năng trả lãi nên chị T buộc chị ký biên nhận còn lại là 69.000.000đ, tiếp tục không trả lãi đủ nên lãi cộng vốn thành 75.000.000đ và cuối cùng chị T ép chị viết biên nhận nợ là 85.000.000đ. Thực tế chị chỉ vay của chị T số tiền gốc 10.500.000đ. Nay chị H chỉ đồng ý trả chị T số tiền 10.500.000đ.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Diễm T khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Mỹ H trả số tiền 229.000.000đ, chị T đã cung cấp được 03 biên nhận là biên nhận ngày 01/8/2021, biên nhận ngày 10/02/2021 và biên nhận ngày 07/10/2020. Các biên nhận do chị T cung cấp chị H không thừa nhận chữ ký và chữ viết trên 03 biên nhận mượn tiền là của chị H.

Tại kết luận giám định số 870/KL- KTHS ngày 30/12/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long chữ ký, chữ viết cần giám định trên 03 (ba) giấy biên nhận ngày 01/8/2001, ngày 07/11/2020 và ngày 10/02/2021 (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết mẫu so sánh trên: Biên bản giao nhận chứng cứ, bản cung cấp mẫu chữ ký cùng đề ngày 21/10/2022 (ký hiệu M1,M2); chữ ký ở góc bên trái dưới cụm từ “ Ninh trật tự tại địa phương” và nội dung chữ viết “ Lê thị Mỹ H” “ Tôi có đồng ý viết giấy nợ số tiền 85 triệu nhưng đó là tiền lời tiền gốc 10 triệu 500” trên “ Biên Bản Trao Đổi Sự Việc” đề ngày 03/12/2021 (ký hiệu M3), là do cùng một người ký và viết ra.

Xét việc chị T khởi kiện yêu cầu chị H trả chị T số tiền 229.000.000đ theo 03 biên nhận gồm biên nhận ngày 01/8/2021, biên nhận ngày 07/10/2020 và biên nhận

ngày 10/02/2021. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thì chị T trình bày chị mới cho mượn tiền ngày 01/8/2021, chứ trước giờ không qua lại mượn tiền. Từ đó cho thấy biên nhận ngày 07/10/2020 và biên nhận ngày 10/02/2021 xảy ra trước ngày 01/8/2021, nên theo lời trình bày của chị T tại biên bản hòa giải ngày 31/12/2021 thì chị H không có giao dịch mượn tiền của chị T, nên có căn cứ xác định chị H không có nhận tiền của chị T số tiền 69.000.000đ theo biên nhận ngày 07/10/2020 và 75.000.000đ theo biên nhận ngày 10/02/2021. Chị H chỉ giao dịch mượn tiền của chị T số tiền 85.000.000đ theo biên nhận ngày 01/8/2021.

Xét việc chị H cho rằng chị chỉ có vay tiền của chị T số tiền 10.500.000đ, còn số tiền 85.000.000đ là số tiền lãi cộng vốn do chị H không trả lãi cho chị T là chưa phù hợp vì ngoài lời trình bày của chị H ra thì chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 85.000.000đ là tiền lãi cộng vốn của số tiền vay 10.500.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H không yêu cầu giám định lại chữ ký và chữ viết tại biên nhận ngày 01/8/2021. Việc chị H không đồng ý trả tiền cho chị T theo biên nhận ngày 01/8/2021 là không có căn cứ.

Từ nhận định và phân tích trên cho thấy án sơ thẩm buộc chị H trả chị T số tiền 229.000.000đ là chưa phù hợp. Nên có căn cứ chấp nhận một phần đơn kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ H, sửa bản án sơ thẩm, buộc chị H trả chị T số tiền 85.000.000đ là có căn cứ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu chị Lê Thị Mỹ H trả số tiền 69.000.000đ theo biên nhận ngày 07/10/2020 và số tiền 75.000.000đ theo biên nhận ngày 10/02/2021.

Do sửa án sơ thẩm nên về án phí sơ thẩm cũng được xem xét lại cho phù hợp,

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận một phần.

Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận, một phần, nên chị Lê Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ H. Sửa bản án sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 147 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T.

1.1. Buộc bị đơn chị Lê Thị Mỹ H có trách nhiệm trả nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm T số tiền 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu chị Lê Thị Mỹ H trả số tiền 69.000.000đ (Sáu mươi chín triệu đồng) theo biên nhận ngày 07/10/2020 và số tiền 75.000.000đ theo biên nhận ngày 10/02/2021

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Mỹ H nộp 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Buộc chị Nguyễn Thị Diễm T nộp 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị T đã nộp 2.125.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003443 ngày 14/12/2021 và biên lai thu số 0003802 ngày 07/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó chị Nguyễn Thị Diễm T còn phải nộp tiếp 1.475.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0005133 ngày 22/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí giám định không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh V;
- TAND huyện L;
- Chi cục THA huyện L;
- Đ/s;
- Lưu: Tòa Dân sự: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lộc